

Số: 54/2023/QĐST- HNGĐ

Quảng Điền, ngày 09 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG Đ- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 29/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1992. Nơi cư trú: 6/174 Tăng Bạt Hồ, phường Tây Lộc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

***Bị đơn:** Anh Phan Vĩnh M, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Xóm 6, thôn La Vân Thượng, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2023

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Phan Vĩnh M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Phan Vĩnh M xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Phan Vĩnh Quốc Kh, sinh ngày 10/12/2020. Khi ly hôn chị Ngọc A và anh M tự nguyện thỏa thuận giao cháu Phan Vĩnh Quốc Khiêm cho anh Phan Vĩnh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Phan Vĩnh M không yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc A cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Phan Vĩnh M tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Phan Vĩnh M chung sống vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc A, anh Phan Vĩnh M mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Chị Ngọc A tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn của cả hai người là 150.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị Ngọc A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002294 ngày 11/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoàn trả lại chị Nguyễn Thị Ngọc A 150.000 đồng.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T T Huế;
- VKSND huyện Quảng Điền;
- Chi cục THSADS huyện Quảng Điền;
- UBND xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền;
(ĐKKH số 23 ngày 24/4/2020);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh